

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 80/2022/ HNGĐ-ST

Ngày: 07/11/2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hương Giang

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Trinh

Bà Trần Thị Minh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố H gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 269/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2021 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/10/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/10/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1985; HKTT: 23/169 đường H, phường H, quận H, H; Trú tại: Khu 9, xã Đông Trung, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ;

- Bị đơn: Anh Đinh Công P, sinh năm 1971; HKTT và cư trú: Số nhà 23 ngách 67 ngõ 169 đường H, (tổ 10), H, quận H, H;

(Chị T có mặt, Anh P vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn ly hôn và những lời khai tiếp theo của Chị Trần Thị T trong quá trình giải quyết vụ án Hôn nhân gia đình thể hiện:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và Anh Đinh Công P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, H vào ngày 06/7/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại 23 ngách 67 ngõ 169 đường H, (tổ 10), H, quận H, H. Quá trình sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do Anh P nghiện ma túy, không có công ăn việc làm ổn định vì vậy vợ chồng thường xuyên

xảy ra xung đột, đánh cãi nhau. Trong cuộc sống, Anh P thiếu sự tôn trọng Chị T, thường có lời lẽ xúc, đe dọa Chị T làm cho cuộc sống căng thẳng, mệt mỏi. Cuộc sống hôn nhân của chị và Anh P tuy không hạnh phúc nhưng Chị T vẫn cố gắng duy trì tất cả là vì các con, nhưng tình cảm vợ chồng cũng không thay đổi theo chiều hướng tốt lên. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng đỉnh điểm vào tháng 01 năm 2018 nên Chị T đã cùng con về nhà bố mẹ ở Thanh Thủy, Phú Thọ sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Thời gian chị chuyển về Phú Thọ sống, Anh P cũng có thăm mẹ con chị vài lần và đón con đi chơi, nhưng hai vợ chồng cũng không nói chuyện về việc tình cảm của anh chị và không có hướng giải quyết mâu thuẫn.

Nay Chị T xác định mâu thuẫn đã đỉnh điểm, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân như hiện tại nữa nên Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh P.

- Về con chung: Chị T xác định chị và Anh P có 02 con chung: Đinh Tùng L, sinh ngày 16/02/2010 và Đinh Tùng D, sinh ngày 20/11/2012.

Cháu Đinh Tùng Dương đã ở cùng với chị từ năm 2018, còn cháu Đinh Tùng Lâm vẫn ở với Anh P.

Khi ly hôn Chị T có nguyện vọng được nuôi cháu Đinh Tùng D và đồng ý để Anh P nuôi cháu Đinh Tùng L. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T xác định tại thời điểm Tòa án giải quyết chị và Anh P không có thai chung.- Về tài sản và nhà ở chung(Bất động sản, động sản): Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn.

Ngoài ra Chị T không có yêu cầu gì khác.

* Quá trình giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của Chị T, Tòa án cũng đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho Anh P, Anh P biết Chị T có yêu cầu ly hôn anh nhưng anh không đến Tòa án để giải quyết cũng như không đưa ra ý kiến, quan điểm gì đối với yêu cầu ly hôn của chị Phương.

* Tại phiên tòa: Chị T giữ nguyên nội dung như chị đã trình bày tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Anh P đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân quận H có quan điểm:

- Về việc tuân theo Pháp luật của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Ngày 04/5/2022, Tòa án nhân dân quận H thụ lý vụ án là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 03/10/ 2022 Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo quy định tại điều 203 Bộ luật tố tụng dân

sự về thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của thẩm phán, thư ký quy định tại điều 48, điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo Pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Về việc giải quyết vụ án:* Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử : Chị Trần Thị T được ly hôn Anh Đinh Công P; Về con chung: giao cháu Đinh Tùng D cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đinh Tùng L cho Anh P trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm .

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].**Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:** Chị Trần Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với Anh Đinh Công P, sinh năm 1971; HKTT và cư trú: Số nhà 23 ngách 67 ngõ 169 đường H, (tổ 10), H, quận H, H; Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố H.

[2].**Về thủ tục tố tụng:** Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ghi lời khai các đương sự, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thu thập chứng cứ đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng.

Ngày 20/10/2022, Tòa án nhân dân quận H mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án Ly hôn giữa Chị T và Anh P, Anh P vắng mặt không có lý do lần thứ nhất. Ngày 07/11/2022, Anh P vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai.

Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt Anh P là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Công P và Chị Trần Thị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, H vào ngày 06/7/2009. Vì vậy, Hôn nhân giữa Chị T và Anh P là hợp pháp.

Quá trình sống theo Chị T trình bày vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn do Anh P nghiện hút ma túy làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên đánh cãi nhau làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Anh P không có sự tôn trọng Chị T, thường xuyên có những lời nói xúc phạm và đe dọa Chị T. Vì vậy, cuộc sống hôn nhân luôn căng thẳng, ngột ngạt. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng và kiên quyết xin ly hôn với Anh P.

Anh P biết sự việc Chị T có yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa án giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị T và Anh P là trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, không hòa giải được. Trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn, Tòa án cũng tạo điều kiện về thời gian để anh chị có điều kiện hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng không có kết quả. Chị T xác định vợ chồng anh chị mâu thuẫn sâu sắc, trong thời gian dài không quan tâm đến nhau, cũng không có bất kỳ biện pháp tác động nào nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh P mặc dù biết Chị T có yêu cầu ly hôn nhưng cũng không có ý kiến gì, không có động thái hay hành động tích cực hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ Anh P cũng không còn tình cảm với Chị T. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng tiến hành xác minh tại tổ dân phố nơi Anh P và Chị T sinh sống, thể hiện: Chị T và Anh P thường xuyên có mâu thuẫn, đánh cãi nhau nhưng tổ dân phố cũng không nắm bắt được nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng Anh P Chị T vì mâu thuẫn của anh chị không được tổ dân phố hoà giải.

Thiết nghĩ, cuộc sống hôn nhân có hạnh phúc phải là sự tự nguyện từ hai phía. Chị T xác định cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, không còn khả năng đoàn tụ. Anh P khi biết Chị T có yêu cầu ly hôn cũng không có ý kiến gì và cũng không có biện pháp gì để có thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vợ chồng Chị T Anh P vẫn sống ly thân, mỗi người sống một nơi không ai quan tâm đến ai. Như vậy, mục đích hôn nhân của Chị T, Anh P không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị T, xử cho Chị T được ly hôn với Anh P là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2]. **Về con chung:** Chị T xác định chị và Anh P xác nhận anh chị có 02 con chung là: Đinh Tùng L, sinh ngày 16/02/2010 và Đinh Tùng D, sinh ngày 20/11/2012.

Từ tháng 01/2018 khi mâu thuẫn giữa chị và Anh P đỉnh điểm, Chị T đã cùng con trai thứ hai là cháu Đinh Tùng D về nhà bố mẹ đẻ chị ở Phú Thọ sống, còn con trai lớn là cháu Đinh Tùng L hiện vẫn ở với Anh P từ đó đến nay.

Khi ly hôn, Chị T có nguyện vọng được nuôi cháu Đinh Tùng D và đồng ý để Anh P tiếp tục nuôi cháu Đinh Tùng L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng tiến hành ghi ý kiến của các con chung của anh chị để xem xét nguyện vọng của các con, tuy nhiên việc ghi ý kiến của cháu Đinh Tùng L không thành vì Anh P không phối hợp đưa cháu Lâm đến Tòa án cũng như không tạo điều kiện để Tòa án có thể tiếp xúc với cháu Lâm để ghi ý kiến của cháu Lâm.

Hội đồng xét xử xét thấy, cha mẹ sinh con ra, ai cũng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, giáo dục đối với con chưa thành niên. Việc giao con cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng cũng cần phải xem xét để đảm bảo được quyền lợi tốt nhất cho các con chung.

Cháu Đinh Tùng D đã ở cùng với Chị T và cháu Đinh Tùng L đã ở cùng với Anh P từ năm 2018. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định của việc học tập và sinh hoạt của các con, tránh sự xáo trộn cuộc sống, Hội đồng xét xử thấy giao cháu Đinh Tùng D cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đinh Tùng L cho Anh P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng đảm bảo được quyền lợi cho trẻ.

Cấp dưỡng nuôi con: Do Anh P chị Tấm mỗi người nuôi 01 con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3]. **Về tài sản chung (Động sản và bất động sản):**

Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[3.4]. **Về nợ chung:** Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[4]. **Án phí:** Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Quyền kháng cáo: Chị T, Anh P có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Điều 51; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Trần Thị T đối với Anh Đinh Công P.

1. Chị Trần Thị T được ly hôn Anh Đinh Công P.

2. Con chung: Chị T xác nhận chị và Anh P có 02 con chung là: Đinh Tùng L, sinh ngày 16/02/2010 và Đinh Tùng D, sinh ngày 20/11/2012.

Giao con chung Đinh Tùng L cho Anh P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và giao con chung Đinh Tùng D cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có quyết định pháp luật khác thay thế.

Chị T, Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung(động sản, bất động sản): Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

5. Án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh Tiến đã nộp tại Biên lai số 00050079 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án quận H.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của [Luật Thi hành án Dân sự](#) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND thành phố H;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA quận H;
- UBNDP H,
- Quận H, H;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hương G

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận

- TAND thành phố H;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA quận H;
- UBNDP Tương Mai,
Quận H, H;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hương Giang

Nơi nhận

- TAND thành phố H;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA quận H;
- UBNDP Thịnh Liệt,
Quận H, H;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hương Giang

Nơi nhận

- TAND thành phố H;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA quận H;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Mạnh Thành

